

Bản án số: 386/2020/HS-PT  
Ngày 08-7-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Minh

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 356/2019/HSPT ngày 05/7/2019 đối với các bị cáo có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 848/2019/QĐXXPT-HS ngày 30 tháng 9 năm 2019.

*1/ Bị cáo kháng cáo:*

**1.1 Phạm Văn C**, sinh năm 1969 tại Hải Dương; Thường trú: Tòa nhà TOPAZ 2 Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu C, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc công ty TNHH địa ốc Á Châu; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ch và bà Trịnh Thị M (chết); Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2014 đến ngày 27/12/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**1.2 Phạm Thị Mai T**, sinh năm 1955 tại Thái Bình; Thường trú: Mạc Thị B, phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: đường 13, phường Tân Thuận T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên ủy viên Hội đồng thành viên Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, kiêm Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Mạc Thị Bưởi; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X (chết) và bà Vũ Thị Th (chết); hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 04 con (lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1983); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**1.3 Phí Thị O**, sinh năm 1960 tại Thái Bình; Thường trú: đường 39, phường Tân Q, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Mạc Thị Bưởi; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phí Văn Đ (chết) và bà Phí Thị T (chết); hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 03 con (lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2014 đến ngày 11/12/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**1.4 Đỗ Thị Y**, sinh năm 1969 tại Thái Bình; Thường trú: đường Phạm Văn B, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Mạc Thị Bưởi; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân A (chết) và bà Nguyễn Thị L; hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 02 con (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**1.5 Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1971 tại Hà Nội; Thường trú: Ngõ Tất T, Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Mai Chí T, phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên Phòng kế hoạch – Hành chính Ga Sài Gòn (nguyên cán bộ tín dụng Ngân hàng N chi nhánh Mạc Thị Bưởi); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn T (chết) và bà Nguyễn Thị X; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

*2/ Bị hại kháng cáo:*

Ngân hàng N - CN Mạc Thị B

Địa chỉ: đường Mạc Thị B, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc H, sinh năm 1961 - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Trung Tâm Sài Gòn và ông Phạm Chu K, sinh năm 1967 - Chức vụ: Trưởng phòng pháp chế (có mặt).

*3/ Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:*

**3.1 Hoàng Văn C**, sinh năm 1977 tại Ninh Bình; Thường trú: đường Võ Văn N, phường Linh Chiểu, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc công ty TNHH Thương mại Dịch vụ A.D.N; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị S; hoàn cảnh gia đình: Có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**3.2 Đỗ Minh Q**, sinh năm 1957 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số 337/11 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thành viên góp vốn công ty TNHH Thương mại Dịch vụ A.D.N; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Mạnh D (chết) và bà Đinh Thị X; hoàn cảnh gia đình: Có vợ và 02 con (lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988); tiền án, tiền sự: Không. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*4/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không triệu tập.

*5/ Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Luật sư Lê Quang Y1 của Công ty Luật TNHH MTV Hiệp Nhất thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C. (vắng mặt)

2. Luật sư Nguyễn Ngọc L của Chi nhánh 1 VPLS Công Anh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh Q, Hoàng Văn C. (có mặt)

3. Luật sư Nguyễn Thành C1 của công ty Đông Phương Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Mai T. (có mặt)

4. Luật sư Nguyễn Thị Huyền T1 của Công ty luật Viên An thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phí Thị O (có mặt)

5. Luật sư Phạm Thành L1 của Công ty luật Viên An thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phí Thị O (có mặt)

6. Luật sư Lương Thị Bích D thuộc Văn phòng luật sư Sky thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phí Thị O (có mặt)

7. Luật sư Phùng Thị H1 của Văn phòng luật sư Chợ Lớn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Đỗ Thị Y, Nguyễn Thị Thanh V. (có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua tiến hành điều tra, xác minh theo đề nghị của Thanh tra chính phủ theo Kết luận thanh tra số 3117/KL-TTCTP ngày 24/12/2013 và Công văn số 02/TTCTP-V.II ngày 15/01/2014 tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, xét thấy có dấu hiệu tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và tiến hành điều tra, kết quả như sau:

### **1. Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

#### **1.1. Hành vi của Phạm Văn C, Giám đốc công ty Á Châu.**

Công ty Á Châu được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4102038314 ngày 10/4/2006, ngành nghề kinh doanh là bất động sản, vốn điều lệ 10 tỷ đồng, do Trần Thị Kim Th1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phạm Văn C là Giám đốc, đại diện theo pháp luật. Trần Thị Kim Th1 và Hoàng Tiến Dz (Th1 và Dz có quan hệ tình cảm với nhau và có 02 con chung) trực tiếp điều hành mọi hoạt động của công ty Á Châu.

Cuối năm 2009, mặc dù chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép công ty Á Châu đầu tư thực hiện Dự án phức hợp căn hộ và thương mại Địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng Hoàng Tiến Dz và Trần Thị Kim Th1 đã chỉ đạo nhân viên Á Châu lập không các chứng từ, tài liệu của dự án, nhằm rút tiền của Ngân hàng N - CN Mạc Thị B với mục đích trả lãi cho các công ty TNHH Thành Phố Xanh; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh; công ty TNHH Phát triển địa ốc Sài Gòn Mới; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Hoàng Phố; công ty TNHH Phong Nguyên; Công ty TNHH Trọng Anh, do Hoàng Tiến Dz làm chủ, cụ thể:

Hoàng Tiến Dz trực tiếp gặp Phạm Thị Mai T, Giám đốc Chi nhánh Mạc Thị Bưởi – Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, đặt vấn đề vay 90 tỷ đồng thông qua công ty Á Châu và cam kết thực hiện Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại Địa ốc Á Châu. Để tạo niềm tin đối với Ngân hàng N - CN Mạc Thị B trong việc cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng. Hoàng Tiến Dz nhờ Đỗ Bình T2 (em trai Hoàng Tiến Dz) mua một phần đất có diện tích 10.349 m<sup>2</sup> tại khu vực phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đất của các ông, bà Võ Thị Xuân H3; bà Cù Thị L1; bà Võ Thị Kim P1; ông Trần Văn M1; ông Huỳnh Hồng S để có tài sản đưa vào ngân hàng bảo đảm khoản vay, thiếu 14.151 m<sup>2</sup> đất theo cam kết và không tiến hành thực hiện dự án theo cam kết.

Trần Thị Kim Th1 chỉ đạo Nguyễn Thị Y2, Kế toán công ty Á Châu (hiện không xác minh được nhân thân, địa chỉ) lập giấy đề nghị vay vốn, lập không bộ hồ sơ Dự án đầu tư khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu và các hợp đồng mua bán đất, lập các phiếu chi nâng giá trị mua đất từ khoảng 2.000.000 đồng đến 3.700.000 đồng lên 10.000.000 đồng/m<sup>2</sup> và lập các báo cáo tài chính nâng “không” doanh thu, lợi nhuận của công ty Á Châu, sau đó chỉ đạo Phạm Văn C ký các giấy tờ trên để hoàn thiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B.

Ngày 25/11/2009, Phí Thị O, Phó giám đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B ký Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 với Phạm Văn C, Giám đốc công ty Á Châu và tiến hành làm thủ tục giải ngân cho công ty Á Châu. Phạm Văn C ký 05 giấy lĩnh tiền mặt nhận số tiền 90 tỷ đồng vào ngày 25, 26/11/2009, không sử dụng để thực hiện dự án mà sử dụng để trả nợ lãi cho các công ty TNHH Thành Phố Xanh; công ty TNHH Phát triển địa ốc Hoàng Phố; công ty TNHH Phong Nguyên; công ty TNHH Trọng Anh đang có quan hệ tín dụng với Ngân hàng – CN Mạc Thị B, với tổng số tiền là 89.986.934.622 đồng.

Đến nay, Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại Địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện được. Công ty Á Châu đã trả gốc 23 tỷ đồng, đối trừ với giá trị tài sản thế chấp, đảm bảo khoản vay là hiện Ngân hàng N – CN Mạc Thị B đang quản lý 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 10.349 m<sup>2</sup> có trị giá 15.660.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số SGN3726/15/EXIMA ngày 07/5/2015 của công ty cổ phần Thẩm định giá EXIM, công ty Á Châu không còn khả năng thanh toán số tiền nợ gốc là 21.340.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị can Phạm Văn C khai nhận: Phạm Văn C được Trần Thị Kim Th1 và Hoàng Tiến Dz thuê làm Giám đốc công ty Á Châu. Phạm Văn C không góp vốn vào công ty Á Châu. Toàn bộ hoạt động công ty Á Châu do Trần Thị Kim Th1 và Hoàng Tiến Dz điều hành. Theo chỉ đạo của Hoàng Tiến Dz, Trần Thị Kim Th1 và hướng dẫn của kế toán công ty, Phạm Văn C ký các tài liệu liên quan đến hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B và không biết số tiền vay 90 tỷ đồng sử dụng như thế nào. Bị can Phạm Văn C không trực tiếp làm việc, thỏa thuận việc mua bán đất với các chủ sử dụng đất. Thực tế Hoàng Tiến Dz, Trần Thị Th không đầu tư thực hiện Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu mà chỉ xin phép cho thực hiện dự án, sau đó bán lại hưởng chênh lệch.

Các ông, bà Huỳnh Hồng S, bà Võ Thị Xuân H3; bà Cù Thị L1; bà Võ Thị Kim P1; ông Trần Văn M1 xác nhận đã bán đất và ủy quyền cho ông Đỗ Bình T2 được toàn quyền định đoạt đối với các thửa đất đã bán, không thỏa thuận bán đất cho công ty Á Châu, đồng thời xác nhận chữ ký trên các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với công ty Á Châu và các Phiếu chi tiền là chữ ký giả mạo, thực tế chỉ bán đất với giá từ 2.000.000 đồng đến 3.700.000 đồng; ông Đỗ Bình T2 xác nhận mua đất của các ông, bà trên với giá từ 2.000.000 đồng đến 3.700.000 đồng/m<sup>2</sup> cho Hoàng Tiến Dz để đưa vào ngân hàng làm tài sản đảm bảo khoản vay của công ty Á Châu.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh, xác định: Các công ty TNHH Thành Phố Anh; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Mới; công ty TNHH Trọng Anh, đều do Hoàng Tiến Dz và Trần Thị Kim Th1 thành lập, điều hành và thuê người thân trong gia đình làm giám đốc, cụ thể:

Ông Trần Đức H4 (anh ruột Trần Thị Kim Th1) là chủ tịch Hội đồng thành viên công ty Á Châu, Giám đốc công ty TNHH Phát triển địa ốc Sài Gòn Xanh; công ty TNHH Phát triển địa ốc Hoàng Phố. Ông Đỗ Bình T2 (em ruột Hoàng Tiến Dz) là Giám đốc công ty TNHH Trọng Anh; công ty TNHH Phong Nguyên. Ông Đỗ Minh Q (em ruột Hoàng Tiến Dz) là giám đốc công ty TNHH Thành phố Xanh; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Mới.

Tại Cơ quan điều tra, các ông Trần Đức H4, Đỗ Bình T2, Đỗ Minh Q khai nhận: Việc thực hiện vay vốn tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B theo chỉ đạo của

Hoàng Tiến Dz và Trần Thị Kim Th1. Xác nhận việc trả lãi ngày 25, 26/11/2009 là nguồn tiền từ công ty Á Châu.

Đối với bị can Hoàng Tiến Dz hiện đã xuất cảnh, không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh truy nã đối với Hoàng Tiến Dz và ra quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự liên quan đến hành vi của Hoàng Tiến Dz về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, khi nào bắt được sẽ tiếp tục đề nghị xử lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị can Trần Thị Kim Th1 đang giám định tình trạng tâm thần tại Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, hiện nay chưa có kết quả giám định. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự liên quan đến hành vi của Trần Thị Kim Th1, đề nghị xử lý sau.

## **1.2. Hành vi của Hoàng Văn C, Giám đốc và Đỗ Minh Q, thành viên góp vốn công ty Á Châu.**

Công ty A.D.N hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051502 được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2006, kinh doanh được nhiều ngành nghề nhưng chủ yếu kinh doanh thiết kế tạo mẫu in vi tính.

Ngày 16/4/2009, Công ty A.D.N thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5, tăng vốn điều lệ lên thành 9.000.000.000 đồng và bổ sung ngành nghề kinh doanh là khai thác gỗ rừng trồng, trồng rừng và chăm sóc rừng, các thành viên góp vốn:

Đỗ Minh Q góp 3.800.000.000 đồng (42% vốn điều lệ);

Hoàng Văn C góp 5.200.000.000 đồng ( 58% vốn điều lệ);

Hoàng Văn C là giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

Mặc dù không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho công ty A.D.N đầu tư thực hiện Dự án mua đất trồng rừng cao su tại tỉnh Bình Phước, nhưng Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q đã ký Biên bản họp Hội đồng thành viên công ty A.D.N về việc vay 75 tỷ đồng tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B với mục đích đầu tư Dự án mua đất trồng rừng cao su tại tỉnh Bình Phước. Ngày 26/3/2009, Hoàng Văn C, Giám đốc công ty A.D.N ký Giấy đề nghị vay vốn 75 tỷ đồng gửi Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, kèm theo bộ hồ sơ Dự án đầu tư kiêm phương án vay vốn do công ty A.D.N tự lập và Báo cáo thuế năm 2008.

Ngày 03/4/2009, Phí Thị O, Phó giám đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B ký Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200900396 với Hoàng Văn C, Giám đốc công ty A.D.N và tiến hành làm thủ tục giải ngân cho công ty A.D.N. Hoàng Văn C trực tiếp ký 03 Giấy lĩnh tiền mặt ghi các ngày 03/4/2009, 07/5/2009 và 08/5/2009 nhận số tiền 75 tỷ đồng, sau đó cùng Đỗ Minh Q chuyển toàn bộ số tiền 75 tỷ đồng đến Phòng giao dịch Tôn Thất Đạm thuộc Ngân hàng N – CN

Mạc Thị B. Đến nay, công ty A.D.N không có tài sản đảm bảo khoản vay và không còn khả năng thanh toán 75 tỷ đồng nợ gốc.

Về thành viên góp vốn: Hoàng Văn C không góp vốn vào công ty A.D.N. Toàn bộ hoạt động điều hành công ty do Đỗ Minh Q điều hành. Theo chỉ đạo của Q và Dz, C ký kết các tài liệu liên quan đến vay vốn. Ngày 03/4/2009, Đỗ Minh Q chỉ đạo C đến ngân hàng ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. C thừa nhận trực tiếp ký và nhận tiền do ngân hàng giải ngân. Đỗ Minh Q cùng đi với C đến Ngân hàng N - CN Mạc Thị B nhận tiền và chuyển tiền về Phòng giao dịch Tôn Thất Đạm bằng xe ô tô của Quang. Khi đến Phòng giao dịch Tôn Thất Đạm giao tiền cho 02 người, C không biết là ai. Hoàng Văn C không biết số tiền vay 75 tỷ đồng sử dụng như thế nào và cũng không biết vị trí các thửa đất công ty A.D.N thế chấp đảm bảo khoản vay, không biết các người đứng tên trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đỗ Minh Q thừa nhận là người thành lập công ty A.D.N. Đầu năm 2009, do làm ăn thua lỗ, Quang có ý định giải thể công ty. Hoàng Tiến Dz (anh ruột Quang, quốc tịch Mỹ) đề nghị chuyển công ty cho Dz và nhờ Hoàng Văn C đứng tên làm giám đốc. Khi chuyển đổi công ty, công ty A.D.N không còn bất kỳ tài sản nào và Quang, C không góp bất kỳ khoản tiền nào. Hoàng Tiến Dz trực tiếp điều hành công ty. Đỗ Minh Q thừa nhận công ty A.D.N không có Dự án mua đất trồng rừng cao su tại tỉnh Bình Phước nhưng theo chỉ đạo của Dz, Đỗ Minh Q ký Biên bản họp hội đồng thành viên công ty A.D.N ngày 26/3/2009 và ký lại bộ hồ sơ kê khai báo cáo thiếu năm 2008 với nội dung kê khai không công ty A.D.N có lợi nhuận nhằm hoàn thiện bộ hồ sơ vay vốn ngân hàng. Đỗ Minh Q thừa nhận có đến Ngân hàng N – CN Mạc Thị B và gặp C đang chuyển tiền ra xe ô tô và đi cùng C sang phòng giao dịch Tôn Thất Đạm giao tiền. Đỗ Minh Q không thừa nhận chỉ đạo C đến ký hợp đồng tín dụng và nhận tiền tại Ngân hàng N – CN Mạc Thị B.

- Lời khai của Lê Thị Diệu H5, Võ Thị Mỹ L2, kế toán công ty A.D.N xác định Đỗ Minh Q là người trực tiếp tuyển dụng và điều hành công ty A.D.N. Công ty A.D.N không có Dự án mua đất trồng rừng cao su tại tỉnh Bình Phước.

- Nguyễn Thị Phương T3, nhân viên kế toán công ty Sài Gòn Mới do Đỗ Minh Q làm Giám đốc xác định: khoảng tháng 8/2009, bà Hồ Thị Mộng Th1 (em vợ Đỗ Minh Q) nhờ đánh máy Biên bản họp Hội đồng thành viên công ty A.D.N về việc vay vốn 75 tỷ đồng để thực hiện Dự án mua đất trồng rừng cao su tại tỉnh Bình Phước và nhờ ký biên bản họp ở phần thư ký.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, từ ngày 03/4/2009 đến ngày 08/5/2009, Ngân hàng N - CN Mạc Thị B đã giải ngân 03 lần cho công ty A.D.N do Hoàng Văn C, Giám đốc đại diện, trực tiếp ký nhận bằng tiền mặt số tiền 75 tỷ đồng.

Kết quả điều tra xác định:

- Tài sản thế chấp hình thành trong tương lai gồm 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên các ông, bà Nguyễn Kim B; ông Nguyễn Anh T5,

bà Hoàng Thị Ngọc B1; ông Nguyễn Văn G1; bà Hà Tú A1, và ông Đỗ Văn Q1 với tổng diện tích 295.112 m<sup>2</sup> đất tại huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé cũ, hiện nay thuộc địa giới hành chính xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xác định:

Trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay, công ty A.D.N **không có thực hiện dự án trồng rừng trên địa bàn huyện Phú Giáo**; Trong 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên các ông, bà Nguyễn Kim B; ông Nguyễn Anh T5, bà Hoàng Thị Ngọc B1; ông Nguyễn Văn G1; bà Hà Tú A1, và ông Đỗ Văn Q1 với tổng diện tích 295.112 m<sup>2</sup> đất, chỉ xác định được diện tích 36.712 m<sup>2</sup> đất thuộc xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đứng tên ông Nguyễn Anh T5, bà Hoàng Thị Ngọc B1. Đối với 258.400 m<sup>2</sup> đất theo 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Kim B; ông Nguyễn Văn G1; bà Hà Tú A1 và ông Đỗ Văn Q1 là đất lâm trường (nay là công ty Lâm nghiệp Bình Dương thuộc địa bàn xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương) quản lý thì không thể xác định được vị trí cụ thể trên thực địa, người sử dụng hiện tại vì huyện Phú Giáo không lưu hồ sơ gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên; tại thời điểm cấp không có tọa độ, không có tờ bản đồ; không kê khai đăng ký, không có tên người sử dụng trên sổ mục kê. Các ông Nguyễn Kim B; ông Nguyễn Văn G1, bà Hà Tú A1 và ông Đỗ Văn Q1 không sử dụng và không giao dịch với công ty A.D.N.

Các ông Nguyễn Anh T5, ông Nguyễn Kim B, ông Nguyễn Văn G1, bà Hà Tú A1 xác nhận không giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với công ty A.D.N. Tại Kết luận giám định số 2525/C54B ngày 08/9/2016 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Văn Q1 với diện tích 282.000 m<sup>2</sup> là giả (hiện ông Q1 đã chết). Đến nay công ty A.D.N không có tài sản đảm bảo khoản vay và không còn khả năng thanh toán số tiền vay 75 tỷ đồng.

## **2. Về hành vi Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.**

Ngân hàng N - CN Mạc Thị B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, nay là Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn) được thành lập theo Quyết định số 134/QĐ-NHNo ngày 15/4/1997 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/9/2006, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/8/2013. Ngân hàng N – Chi nhánh Mạc Thị B là doanh nghiệp hạng 1, có mức phán quyết cho vay tối đa đối với doanh nghiệp xếp loại A là 150 tỷ đồng, loại B là 80 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành chi nhánh, Phạm Thị Mai T, Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng N - CN Mạc Thị B kiêm Giám đốc Chi nhánh Mạc Thị B (thời điểm từ tháng 11/2007 đến tháng 10/2010) ký các giấy ủy quyền cho các Phó giám đốc, được ký các hợp đồng tín dụng với các doanh nghiệp và khách hàng, trong đó Phạm Thị Mai T ký Giấy ủy quyền số 483 ngày 13/3/2008 cho



Phí Thị O, Phó giám đốc được ký kết các hợp đồng tín dụng với các khách hàng theo thẩm quyền của giám đốc.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ lãnh đạo, cán bộ Ngân hàng N - CN Mạc Thị B đã vi phạm quy định về cho vay trong việc ký kết các hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH phát triển nhiên liệu Á Châu (sau đây viết tắt là công ty Á Châu) và công ty TNHH Thương mại dịch vụ A.D.N (sau đây viết tắt là công ty A.D.N) cụ thể:

2.1. Hành vi vi phạm quy định về cho vay trong việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009 giữa Ngân hàng N - CN Mạc Thị B với Công ty Á Châu.

Ngày 19/10/2009, Phạm Văn C, Giám đốc công ty Á Châu ký bộ hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, gồm Giấy đề nghị vay 90 tỷ đồng, thời hạn vay vốn là 05 năm. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, kèm theo bản dự án đầu tư kiêm phương án vay vốn do công ty Á Châu tự lập. Mặc dù thời điểm lập hồ sơ vay vốn, công ty Á Châu chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép thực hiện dự án nhưng Phạm Thị Mai T, Giám đốc chi nhánh Mạc Thị B – Ngân hàng N chỉ đạo nhân viên cấp dưới tiến hành làm thủ tục cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng để trả nợ lãi cho các công ty khác của Hoàng Tiến Dz đang vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh Mạc Thị B.

Đỗ Thị Y, Trưởng phòng tín dụng giao cho Nguyễn Thị Thanh V, cán bộ tín dụng tiến hành lập báo cáo thẩm định. Dựa trên hồ sơ, phương án vay vốn do công ty Á Châu lập, Nguyễn Thị Thanh V lập báo cáo thẩm định ngày 25/11/2009, đánh giá dự án có tính khả thi cao, đề xuất cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng, thời hạn tín dụng là 03 năm. Đỗ Thị Y ký báo cáo thẩm định đề xuất cho vay và Phí Thị O, Phó giám đốc phê duyệt. Cùng ngày, Phí Thị O ký Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009 cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng.

Tài sản bảo đảm là 24.500 m<sup>2</sup> đất tại phường Phú Hữu và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai. Ngày 25/11/2009, Ngân hàng N - CN Mạc Thị B với công ty Á Châu lập Biên bản tạm xác định giá trị tài sản bảo đảm là 196 tỷ đồng (bằng với số tiền chi phí đền bù đất được nêu trong dự án do công ty Á Châu lập) và ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1900-LAV-200901693/TC.01, tài sản thế chấp là các tài sản hình thành trong tương lai gồm toàn bộ diện tích 24.500 m<sup>2</sup> đất tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009, Ngân hàng N - CN Mạc Thị B đã làm thủ tục giải ngân bằng tiền mặt cho công ty Á Châu 90 tỷ đồng trong hai ngày 25 và 26/11/2009 theo 05 Giấy nhận nợ: Phạm Văn C, Giám đốc công ty Á Châu ký nhận 05 giấy nhận nợ và giấy lĩnh tiền mặt.

Sau khi tiến hành giải ngân, tháng 5/2010, Phí Thị O chỉ đạo chi nhánh Mạc Thị B lập lại hồ sơ tín dụng đối với công ty Á Châu, điều chỉnh thời hạn vay vốn là 05 năm, điều chỉnh lại nợ gốc, nợ lãi và chỉ đạo Nguyễn Thị Thanh L3, cán bộ tín dụng ký hoàn thiện hồ sơ tín dụng.

Kết quả điều tra xác định:

- Trong các ngày 18/11/2010, 09/5/2011, 22/11/2012, Phạm Văn C đại diện công ty Á Châu đã bàn giao cho Ngân hàng N - CN Mạc Thị B 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Võ Thị Xuân H3; bà Cù Thị L1; bà Võ Thị Kim P1; ông Trương Minh Thuận, bà Nguyễn Ngọc Đoan Ngân; ông Trần Văn M1; ông Huỳnh Hồng S (đã sang tên ông Đỗ Bình T2) với tổng diện tích là 10.349m<sup>2</sup> tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa công ty Á Châu với các chủ sử dụng đất và các Phiếu chi tiền với tổng số tiền 97.583.500.000 đồng, nhằm chứng minh việc mua đất tại phường Phú Hữu thực hiện dự án.

Hiện, Ngân hàng N - CN Mạc Thị B đang quản lý bản gốc 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 10.349m<sup>2</sup>, trong đó:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Bình T2 có diện tích 6.027m<sup>2</sup>. Ngày 24/12/2012, Ngân hàng N – CN Mạc Thị B, công ty Á Châu và ông Đỗ Bình T2 ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C296939 ngày 02/12/1998 đứng tên ông Đỗ Bình T2 với diện tích 6.027m<sup>2</sup>, là đất trồng lúa. Tài sản được xác định có trị giá 22.299.000.000 đồng, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của công ty Á Châu 11.149.950.000 đồng. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định.

+ 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 4.322m<sup>2</sup> đứng tên bà Võ Thị Xuân H3; bà Cù Thị L1; bà Võ Thị Kim P1; ông Trương Minh Thuận, bà Nguyễn Ngọc Đoan Ngân; ông Trần Văn M1, công ty Á Châu không làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất, không tiến hành ký kết hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng N – CN Mạc Thị B nên chưa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định. Tài liệu điều tra thể hiện, các chủ sử dụng đất trên đã bán và ủy quyền cho ông Đỗ Bình T2 được toàn quyền chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho quyền sử dụng các thửa đất trên. Hiện, ông Đỗ Bình T2 đang cùng phối hợp với Ngân hàng N – CN Mạc Thị B hoàn thiện việc thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Đến nay, công ty Á Châu không có quyền sử dụng đất đối với diện tích 14.151m<sup>2</sup> để thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai với Ngân hàng N - CN Mạc Thị B.

- Đối với Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/10/2001, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 5337/UBND-ĐTMT về việc: Chấp thuận địa điểm đầu tư cho công ty Á Châu thực hiện dự án tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Do công ty Á Châu không thực hiện dự án, chỉ mua được 10.349m<sup>2</sup> đất. Ngày 18/4/2013 và 22/5/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 2195 và số 3048 gửi các Sở, UBND Quận 9, UBND phường Phú Hữu và công ty Á Châu thông báo về việc chấm dứt, không gia hạn thời hạn văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư..., cho nên văn bản chấp nhận địa điểm đầu tư cho công ty Á Châu thực hiện tại Công văn số 5337 ngày 15/10/2010, của UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực. Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, Quận 9 không thực hiện được. Từ ngày 04/4/2014 đến ngày 16/7/2014, công ty Á Châu đã trả nợ gốc 23 tỷ đồng. Hiện, công ty Á Châu không còn khả năng thanh toán nợ gốc 67 tỷ đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu định giá tài sản xác định giá trị của 10.349m<sup>2</sup> đất hiện đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng N – CN Mạc Thị B. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh số 8162/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 26/10/2015 xác định: 10.349m<sup>2</sup> đất theo 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Võ Thị Xuân H3, bà Cù Thị Kim Loan, ông Trương Minh Thuận và bà Nguyễn Ngọc Đoan Ngân, bà Võ Thị Kim P1, ông Trần Văn M1, ông Đỗ Bình T2 có trị giá là 13.231.050.000 đồng (theo giá đất tại thời điểm tháng 11/2009).

Chứng thư thẩm định giá số SGN3726/15/EXIMA ngày 07/5/2015 của Công ty cổ phần Thẩm định giá EXIM xác định: Trị giá 10.349m<sup>2</sup> đất theo 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Võ Thị Xuân H3, bà Cù Thị Kim Loan, ông Trương Minh Thuận và bà Nguyễn Ngọc Đoan Ngân, bà Võ Thị Kim P1, ông Trần Văn M1, ông Đỗ Bình T2, tại thời điểm tháng 7/2015 là 45.660.000 đồng.

Đối trừ với trị giá tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay hiện Ngân hàng N - CN Mạc Thị B đang quản lý gồm 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 10.349m<sup>2</sup>, công ty Á Châu không còn khả năng thanh toán số tiền nợ gốc là 21.340.000.000 đồng.

2.2. Hành vi vi phạm quy định về cho vay và thiếu trách nhiệm trong việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200900396 ngày 03/4/2009 giữa Ngân hàng N - CN Mạc Thị B với công ty A.D.N.

Ngày 26/3/2009, Hoàng Văn C, Giám đốc công ty A.D.N ký bộ hồ sơ đề nghị vay 75 tỷ đồng gửi Ngân hàng N – CN Mạc Thị Bưởi, kèm theo là phương án vay vốn với mục đích sử dụng vốn vay thực hiện Dự án mua 295.112m<sup>2</sup> đất tại tỉnh Bình Phước trồng cao su. Thực hiện theo chỉ đạo của Lãnh đạo chi nhánh, căn cứ vào bộ hồ sơ vay vốn của công ty A.D.N, Trương Thị Thùy T3, cán bộ tín dụng lập báo cáo thẩm định ngày 03/4/2009 đề xuất cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng. Báo cáo thẩm định được Đỗ Thị Y, Trưởng phòng tín dụng ký đề xuất cho vay, Phí Thị O, Phó giám đốc ký phê duyệt. Cùng ngày, Phí

Thị O, Phó giám đốc ký hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200900396, cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng; Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1900-LCP-200900396/TC01 nội dung thế chấp quyền sử dụng 295.112m<sup>2</sup> đất tại huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) được Ngân hàng N - CN Mạc Thị B và công ty Á Châu tạm định giá là 147.500.000.000 đồng (tương đương 500.000 đồng/m<sup>2</sup> đất) để đảm bảo cho khoản vay 75 tỷ đồng tại Ngân hàng N Chi nhánh Mạc Thị Bưởi.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can và những người liên quan khai nhận:

- Lời khai của bị can Phạm Thị Mai T: Đối với Ngân hàng N - CN Mạc Thị B cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng, Phạm Thị Mai T khai nhận: Phạm Thị Mai T quen biết Hoàng Tiến Dz do Hoàng Tiến Dz là người trực tiếp đến gặp đặt vấn đề vay vốn tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B cho các công ty TNHH Thành Phố Xanh, công ty Á Châu, công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh; công ty TNHH Phát triển địa ốc Sài Gòn Mới; công ty TNHH phát triển địa ốc Hoàng Phố; công ty TNHH Phong Nguyên; công ty TNHH Trọng Anh, do Hoàng Tiến Dz làm chủ nhưng thuê người khác làm giám đốc. Cuối năm 2009, do các khoản vay của các công ty trên đến hạn trả nợ lãi, căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của công ty Á Châu, làm thủ tục vay 90 tỷ đồng với mục đích sử dụng số tiền vay để trả nợ lãi cho các công ty trên. Hoàng Tiến Dz cam kết khi nào có nguồn vốn sẽ thực hiện dự án của công ty Á Châu. Phạm Thị Mai T đồng ý và chỉ đạo Phí Thị O, Đỗ Thị Y tiến hành làm thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân cho công ty Á Châu 90 tỷ đồng. Số tiền giải ngân cho công ty Á Châu được sử dụng để trả lãi cho các công ty trên của Hoàng Tiến Dz.

Đối với việc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng: Phạm Thị Mai T đã ủy quyền cho Phí Thị O, Phó Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng tín dụng nên Phạm Thị Mai T không nắm được việc cho vay như thế nào. Phạm Thị Mai T không thừa nhận chỉ đạo Phí Thị O và các cán bộ giải quyết cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng và không giao 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trương Thị Thùy T3. Phạm Thị Mai T xác định đã không kiểm tra, giám sát cấp dưới trong việc giải quyết cho công ty A.D.N vay vốn dẫn đến Ngân hàng N - CN Mạc Thị B không có khả năng thu hồi số tiền 75 tỷ đồng.

- Lời khai của bị can Phí Thị O: Phí Thị O xác định khi tiến hành làm thủ tục cho các công ty Á Châu, công ty A.D.N vay tiền đã biết các công ty trên vay tiền để trả nợ lãi cho các công ty của Hoàng Tiến Dz. Nhưng theo chỉ đạo của Phạm Thị Mai T, Giám đốc chi nhánh Mạc Thị B – Ngân hàng N, Phí Thị O đã ký các tài liệu, chứng từ thủ tục tín dụng và tiến hành làm thủ tục giải ngân cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng, công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng mà không kiểm tra hồ sơ vay vốn có đủ điều kiện hay không. Phí Thị O xác nhận, hồ sơ tín dụng ban đầu cho công ty Á Châu vay vốn do Nguyễn Thị Thanh V lập với thời hạn tín dụng là 03 năm. Tháng 5/2011, Phí Thị O chỉ đạo lập lại toàn bộ hồ sơ, điều

chính thời hạn vay là 05 năm và nhờ Nguyễn Thị Thanh L3, cán bộ Phòng giao dịch Bạch Đằng thuộc Ngân hàng N – CN Mạc Thị B ký để hoàn thiện hồ sơ.

- Lời khai của bị can Đỗ Thị Y: Xác nhận, trong việc tiến hành làm thủ tục cho công ty Á Châu vay vốn thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Phạm Thị Mai T, với mục đích trả nợ lãi cho các công ty TNHH Thành Phố Xanh, công ty TNHH phát triển địa ốc Sài Gòn Xanh; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Mới; công ty TNHH Phát triển Địa ốc nhưng trên hồ sơ vay vốn thể hiện mục đích vay để thực hiện Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Đỗ Thị Y đã chỉ đạo Nguyễn Thị Thanh V lập báo cáo thẩm định, hoàn thiện thủ tục giải ngân cho công ty Á Châu 90 tỷ đồng vào các ngày 25, 26/11/2009. Sau một thời gian, Phí Thị O yêu cầu Đỗ Thị Y ký lại báo cáo thẩm định để hoàn thiện hồ sơ tín dụng.

Đối với việc ký báo cáo thẩm định đề xuất cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng, vào tháng 4/2009, Trương Thị Thùy T3, cán bộ tín dụng đã trình bộ hồ sơ vay vốn của công ty A.D.N. Sau khi xem xét bộ hồ sơ này, thấy đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và do tin tưởng cán bộ lập báo cáo nên Đỗ Thị Y đã không thẩm định lại mà đã ký đề xuất cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng. Trong và sau khi giải ngân cho công ty A.D.N, Đỗ Thị Y không chỉ đạo cán bộ tín dụng kiểm tra việc công ty A.D.N sử dụng tiền vay và việc thực hiện dự án. Đỗ Thị Y thừa nhận đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát hồ sơ vay vốn của công ty A.D.N.

- Lời khai của bị can Nguyễn Thị Thanh V: Cuối tháng 11/2009, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đỗ Thị Y, Trưởng phòng tín dụng, Nguyễn Thị Thanh V tiến hành làm thủ tục cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng để trả nợ cho 02 công ty TNHH Thành Phố Xanh, công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh do Nguyễn Thị Thanh V quản lý và 04 công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Mới; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Hoàng Phố; công ty TNHH Phong Nguyên; công ty TNHH Trọng Anh do Nguyễn Thị Thanh L3 quản lý nhưng trên báo cáo thẩm định Nguyễn Thị Thanh V lập xác định mục đích cho công ty Á Châu vay để thực hiện Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại Địa ốc Á Châu tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lời khai của bị can Trương Thị Thùy T3: Khoảng cuối tháng 3/2009, Giám đốc Phạm Thị Mai T đã đưa Trang 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng 295.112 m<sup>2</sup> đất tại huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé và chỉ đạo bà T3 giải quyết cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng để làm dự án trồng rừng cao su, giá đất là hơn 500.000 đồng/m<sup>2</sup>. Bà T3 còn nói đã cùng Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Nguyễn Thị Hoài T4 và Trưởng phòng tín dụng Đỗ Thị Y đi xem khu đất lập dự án trên, bà T4 và bà Y sẽ cùng bà T3 làm hồ sơ cho công ty A.D.N vay vốn. Thực hiện chỉ đạo của bà T, sau khi được bà Nguyễn Thị Hoài T4 giao bộ hồ sơ vay vốn của công ty A.D.N, bà T3 đã không kiểm tra tài sản đảm bảo của công ty A.D.N là quyền sử dụng đất tại huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé mà lập Báo cáo thẩm định, Hợp đồng tín dụng đề xuất cho công ty A.D.N vay vốn trình bà Y, bà O. Sau khi bà O, bà Y ký duyệt Báo cáo thẩm định, Hợp đồng tín dụng thì

bà T3 chuyển lại bộ hồ sơ cho bà T4. Mỗi lần giải ngân, bà T4 đưa ông Hoàng Văn C, giám đốc công ty A.D.N đến gặp bà T3 và nói số tiền cần giải ngân từng lần để bà T3 lập các chứng từ giải ngân đưa bà T4. Sau đó, bà T3 tự mang các chứng từ giải ngân đưa bà Y và trình bà O ký rồi đưa ông C đi nhận tiền giải ngân. Bà T3 không biết việc ông C nhận tiền giải ngân cụ thể như thế nào, không biết công ty A.D.N sử dụng tiền vay vào việc gì.

- Lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh L3, nguyên cán bộ tín dụng Ngân hàng N – CN Mạc Thị B: Xác nhận ngày 10/5/2011, Phí Thị O, Giám đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B nhờ ký bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tín dụng liên quan đến việc giải quyết cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng.

Như vậy, trong việc ký kết hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009 giữa Ngân hàng N – CN Mạc Thị B cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng, các bị can Phạm Thị Mai T, Phí Thị O, Đỗ Thị Y, Nguyễn Thị Thanh V biết rõ công ty Á Châu sử dụng tiền vay không đúng mục đích nhưng vẫn tiến hành làm các thủ tục cho vay; quá trình làm thủ tục cho vay không tiến hành thẩm định theo quy định, nâng không giá trị tài sản bảo đảm, đồng thời tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay thiếu 14.151 m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, dẫn đến Ngân hàng N - CN Mạc Thị B không có khả năng thu hồi số tiền 21.340.000.000 đồng. Hành vi của Phạm Thị Mai T, Phí Thị O, Đỗ Thị Y, Nguyễn Thị Thanh V đã vi phạm Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B; Vi phạm quy định cho vay đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 72/QĐ-HĐQT-TD ngày 31/03/2002; Quyết định số 666/QĐ-HĐQT-TDHo ngày 15/6/2010 và Quyết định số 1300/QĐ-HĐQT-TDHo ngày 03/12/2007 quy định về thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay của Ngân hàng N.

Trong việc ký kết hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200900396 ngày 03/4/2009 giữa Ngân hàng N - CN Mạc Thị B cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng, Phí Thị O biết công ty A.D.N vay tiền nhưng không thực hiện dự án nhưng vẫn ký kết hợp đồng tín dụng, hồ sơ giải ngân cho công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng, dẫn đến Ngân hàng N - CN Mạc Thị B không có khả năng thu hồi số tiền 75 tỷ đồng. Hành vi của Phí Thị O đã vi phạm Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2008 của Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B; Vi phạm quy định về cho vay đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 72/QĐ-HĐQT-TD ngày 31/3/2002 của Ngân hàng N.

Đối với Trương Thị Thùy T3 là người lập báo cáo thẩm định đề xuất cho công ty A.D.N vay vốn nhưng chưa thực hiện đầy đủ việc kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm, chưa thẩm định tính khả thi của dự án. Việc định giá tài sản theo giá của công ty nêu trên dự án; Đỗ Thị Y ký Báo cáo thẩm định, ký các chứng từ nhận nợ trong khi không kiểm tra xem xét hồ sơ vay vốn, không kiểm tra, giám

sát cán bộ tín dụng trong quá trình giải quyết cho công ty A.D.N vay vốn, không phát hiện được tài sản đảm bảo chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm; Phạm Thị Mai T, với chức trách là Giám đốc, sau khi ủy quyền cho Phí Thị O đã không thực hiện việc kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình vay vốn giữa Ngân hàng N - CN Mạc Thị B với công ty A.D.N. Hành vi của Trương Thị Thùy T3, Đỗ Thị Y, Phạm Thị Mai T đã thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết cho công ty A.D.N vay dẫn đến Ngân hàng N - CN Mạc Thị B bị thiệt hại số tiền 75 tỷ đồng.

**3. Trong vụ án còn có một số cá nhân có liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an đã xác định như sau:**

- Đối với bà Nguyễn Thị Thanh L3, nguyên cán bộ Ngân hàng N – CN Mạc Thị B: Tài liệu điều tra thể hiện, Nguyễn Thị Thanh L3 không phải là người lập Báo cáo thẩm định và các tài liệu, chứng từ giải ngân cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng. Việc L ký các hồ sơ tín dụng do Phí Thị O nhờ vào ngày 10/5/2010 nhưng ghi lùi ngày 25/11/2009 nhằm hoàn thiện hồ sơ. Xét thấy, khi ký hoàn thiện hồ sơ thì Ngân hàng N – CN Mạc Thị B đã giải ngân cho công ty Á Châu, do vậy Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với bà Phạm Thị Thanh Ng, cán bộ tín dụng Ngân hàng N – CN Mạc Thị B.

Tài liệu điều tra thể hiện, bà Phạm Thị Thanh Ng được giao quản lý khách hàng là công ty Á Châu từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2012, sau khi Ngân hàng N – CN Mạc Thị B đã tiến hành giải ngân cho công ty Á Châu 90 tỷ đồng. Theo chỉ đạo của Phí Thị O, bà Ngọc lập báo cáo tài thẩm định ngày 21/6/2012 về việc gia hạn nợ và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của công ty Á Châu và lập các Biên bản kiểm tra sau cho vay nhưng không kiểm tra thực tế dự án của công ty Á Châu, nhằm hoàn thiện hồ sơ tín dụng. Phạm Thị Thanh Ng đã vi phạm quy định về quản lý khoản vay. Tuy nhiên, sai phạm trên của Phạm Thị Thanh Ng được thực hiện sau khi Ngân hàng N - CN Mạc Thị B đã tiến hành giải ngân và bị chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phạm Thị Thanh Ng.

- Đối với 06 công ty TNHH Thành Phố Xanh; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Sài Gòn Mới; công ty TNHH Phát triển Địa ốc Hoàng Phố; công ty TNHH Phong Nguyên; công ty TNHH Trọng Anh, đã sử dụng khoản tiền do Phạm Văn C cùng đồng phạm chiếm đoạt.

Quá trình điều tra, các ông Trần Đức H4, Đỗ Bình T2, Đỗ Minh Q là Giám đốc của các công ty trên khai nhận Hoàng Tiến Dz mới là chủ của các công ty trên và thuê Trần Đức H4, Đỗ Bình T2, Đỗ Minh Q làm Giám đốc. Hiện Hoàng Tiến Dz đã xuất cảnh, không có mặt tại Việt Nam nên chưa có đủ cơ sở xác định có sự bàn bạc thống nhất với Hoàng Tiến Dz thông qua Công ty Á Châu thực

hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và đề nghị xử lý sau.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:***

**Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn C, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Các bị cáo **Phạm Thị Mai T** và **Đỗ Thị Y** phạm các tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Các bị cáo **Phí Thị O và Nguyễn Thị Thanh V** phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Bị cáo **Trương Thị Thùy T3** phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 21/11/2014 đến ngày 27/12/2016.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn C** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2015.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Minh Q** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2016.

4. Áp dụng khoản 3 Điều 179; khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Mai T** 07 (bảy) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và 02 (hai) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Áp dụng khoản 3 Điều 179; khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều



17; Điều 58; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Y** 06 (sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và 01 (một) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 07 (bảy) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

6. Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phí Thị O** 07 (bảy) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 26/8/2014 đến ngày 11/12/2016.

7. Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh V** 06 (sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

8. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Mặt khác, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý tài sản, việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 06/6/2019 bị cáo Phạm Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 5/6/2019 bị cáo Phí Thị O có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 06/6/2019 bị cáo Nguyễn Thị Thanh V có đơn kháng cáo xin xem xét lại hành vi phạm tội và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Ngày 07/6/2019 bị cáo Phạm Thị Mai T có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” trong khoản vay 90 tỷ đồng của công ty Á Châu và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Ngày 10/6/2019 bị cáo Đỗ Thị Y có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 11/6/2019 người bị hại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B có đơn kháng cáo phần tiền mà bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn C, Đỗ Minh Q phải bồi thường cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cụ thể:

Bị cáo Phạm Văn C xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại trách nhiệm dân sự. Lý do: Cha ruột của bị cáo có huân chương chống Mỹ cứu nước chưa được xem xét tại sơ thẩm là căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo cho rằng bản thân chỉ là giám đốc được thuê, thực tế bị cáo không được sử dụng số tiền đã vay nên buộc bị cáo phải bồi thường cho Ngân hàng N là không thỏa đáng trong khi tài sản đảm bảo đã định giá là giá trị rất cao đủ để khắc phục hậu quả.

Bị cáo Phạm Thị Mai T xin xem xét về tội danh “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và sau đó xin xem xét giảm nhẹ hình phạt. Lý do: Về tội danh, bị cáo không chỉ đạo cho Công ty Á Châu vay 90 tỷ, bị cáo chỉ đồng ý về mặt chủ trương khi hồ sơ vay đủ điều kiện, nếu bị xử lý thì đây là hành vi của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Bị cáo Phí Thị O xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do: Bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho Ngân hàng mặc dù bản án sơ thẩm không buộc bị cáo phải có trách nhiệm này. Về nhân thân, bị cáo có thời gian dài phục vụ trong ngành ngân hàng, được Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B và UBND Thành phố Hồ Chí Minh tặng thưởng bằng khen. Bị cáo là nhân viên dưới quyền, chỉ làm việc theo chỉ đạo. Về giá trị tài sản bảo đảm rất cao, đủ để khắc phục hậu quả, đề nghị xem xét giá trị của tài sản bảo đảm có ý nghĩa trong việc lượng hình đối với bị cáo và các bị cáo khác trong vụ án.

Bị cáo Đỗ Thị Y xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do: Trong quá trình công tác trong ngành ngân hàng có nhiều đóng góp, được Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B tặng kỷ niệm chương, là con duy nhất của liệt sỹ và xin Hội đồng xét xử xem xét bản chất vụ án là dòng tiền không ra khỏi Ngân hàng mà chỉ trả lãi cho nhóm công ty của ông Dz.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do: xem xét vai trò của bị cáo trong hoàn cảnh việc cho vay đã được cấp trên duyệt, bị cáo chỉ hoàn tất về mặt thủ tục.

Bị cáo Hoàng Văn C và bị cáo Đỗ Minh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngân hàng N - CN Mạc Thị B xin xem xét về phần tiền lãi của các bị cáo Ch, C, Q phải được tính cho đến ngày xét xử vụ án chứ không phải đến giai đoạn điều tra, khoản vay chưa tất toán nên lãi trong ngân hàng vẫn còn đang tính nên ngân hàng kháng cáo yêu cầu các bị cáo Ch, C, Q tiếp tục trả lãi. Đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong vụ án. Đề nghị xem xét tài liệu định giá do bị cáo Ch cung cấp là tài liệu tham khảo nhằm mục đích khắc phục hậu quả cho ngân hàng để xem xét mức án cho các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: kháng cáo của các bị cáo và người bị hại trong hạn luật định. Về nội dung vụ án: đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Quá trình điều tra, xét xử ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, cho thấy cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn C, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thị Mai T; chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phí Thị O, giảm từ 7 năm tù xuống 5 năm tù, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V từ 6 năm tù xuống 4 năm tù, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đỗ Thị Y từ 6 năm tù còn 4 năm tù, giữ nguyên phần tội danh “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” đối với bị cáo Y; không chấp nhận kháng cáo của ngân hàng về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Ch, Q, C.

- Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn C trình bày: Trước đó bị cáo cũng ký các hợp đồng tín dụng bình thường nên nghĩ hợp đồng này cũng vậy, sau này bị cáo mới biết là sai, trong khi Ngân hàng N cũng biết rõ việc vay này chỉ để trả lãi cho nhóm công ty của Hoàng Tiến Dz nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo xin khai lại nội dung về bị cáo Trần Thị Kim Th1, bà Th không chỉ đạo bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết cha ruột của bị cáo là ông Phạm Văn Ch có huân chương kháng chiến hạng ba để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư Nguyễn Thành C1 bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Mai T trình bày: Thống nhất về tội danh mà bản án sơ thẩm đã quy kết, tại phiên tòa bị cáo Toan đã rút kháng cáo kêu oan, thừa nhận với vai trò là giám đốc chi nhánh bị cáo Toan đã vi phạm các quy định về cho vay và thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát đơn đốc thu hồi nợ, gây thất thoát tài sản của Ngân hàng N. Tuy nhiên, đề nghị xem xét việc cơ quan điều tra tách ra thành 2 vụ án xảy ra trong cùng một ngân hàng để giải quyết là gây bất lợi cho bị cáo khi tổng hợp hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nhân thân, bị cáo phạm tội lần đầu, hiện đang mắc nhiều chứng bệnh, mất 82% sức lao động, quá trình công tác trong ngành ngân hàng có nhiều thành tích, cấp sơ thẩm chưa xem xét em ruột của bị cáo là người có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết mới. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Luật sư Phùng Thị H1 bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Y trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo xét duyệt cho vay cũng không ngoài mục đích nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của ngân hàng tại thời điểm lúc bấy giờ đang gặp nhiều khó khăn do thị trường bất động sản đóng băng, lãi suất tăng cao và cho vay dựa trên sự chỉ đạo. Trong vụ án này, việc cho vay được thực hiện theo quy trình ngược, việc lập báo cáo thẩm định cho vay chỉ là hình thức để hoàn thiện hồ sơ vay chứ việc cho vay đã được ấn định từ trước. Đồng thời số tiền 90 tỷ thực tế để trả lãi cho chính ngân hàng, không đi ra khỏi ngân hàng cần

được xem là vật chứng trong vụ án. Đề nghị xem xét việc cơ quan điều tra tách ra thành 2 vụ án xảy ra trong cùng một ngân hàng để giải quyết là gây bất lợi cho bị cáo khi tổng hợp hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận hành vi sai phạm của mình, bị cáo là con duy nhất của liệt sĩ hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng mẹ, quá trình làm việc nhiều lần được Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B khen tặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất, tạo điều kiện để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình.

Luật sư Phùng Thị H1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V nêu ý kiến: Bị cáo có nhân thân tốt, có cha mẹ tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương. Khoản vay có tài sản thế chấp có thể thu hồi và có giá trị đủ để khắc phục hậu quả, điều này có ý nghĩa trong việc lượng hình đối với bị cáo. Chứng thư thẩm định giá vào tháng 7/2015 chỉ có giá trị trong 6 tháng thì việc sau đó phải định giá lại là phù hợp với lời khai của ngân hàng, phù hợp với nhận định của cấp sơ thẩm khi phát mãi tại thời điểm hiện tại có biến động giá rất lớn, giá trị khác xa năm 2015. Việc xác định lại giá tại thời điểm này có ý nghĩa, có lợi trong việc xác định số thiệt hại có còn hay không hay sẽ dư và được loại trừ trách nhiệm cho các bị cáo và thiệt hại cho ngân hàng.

- Luật sư Lương Thị Bích D, luật sư Nguyễn Thị Huyền T1 bào chữa cho bị cáo Phí Thị O trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá về hậu quả thiệt hại vì khoản vay đã được đảm bảo bởi tài sản thế chấp là 10.349 m<sup>2</sup> đất, giá trị tài sản đủ đảm bảo thanh toán khoản vay. Vấn đề thiệt hại và bồi thường có liên quan đến việc lượng hình cho bị cáo. Bản án sơ thẩm xác định thiệt hại gây ra cho ngân hàng là 21.340.000.000 đồng. Tuy nhiên khoản giải ngân có giá trị 90 tỷ là khoản tiền do phạm tội mà có, các hợp đồng tín dụng là vô hiệu nên không phát sinh lãi, trước thời điểm khởi tố Công ty Á Châu đã trả nợ gốc 23 tỷ và tiền lãi 16 tỷ, hợp đồng tín dụng vô hiệu thì phải chuyển 16 tỷ tiền lãi căn trừ vào nợ gốc để xác định đúng thiệt hại do các bị cáo gây ra để lượng hình. Về vật chứng, đồng ý với quan điểm của luật sư H1, 90 tỷ là vật chứng của vụ án phải thu hồi từ nhóm công ty của ông Dz và các công ty này là người thực tế thụ hưởng thì phải trả lại cho ngân hàng.

Trong vụ án này, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm 02 năm tù đối với bị cáo O, như vậy tổng hợp hình phạt của 02 bản án thì bị cáo O là người cao tuổi, có nhiều bệnh và nhiều tình tiết giảm nhẹ phải chấp hành hình phạt 10 năm tù, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hơn cho bị cáo. Đồng thời bổ sung thêm về yêu cầu xem xét số tiền lãi Công ty Á Châu đã nộp là 16 tỷ, đối với hành vi đã bị xét xử hình sự thì không được xem là giao dịch hợp pháp để cho ngân hàng hưởng lợi nhuận trong giao dịch thương mại này là tiền lãi, do đó đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ thiệt hại là 45.660.000.000 đồng trong định giá và 16 tỷ tiền lãi. Cơ quan điều tra đã xác định rõ dòng tiền được giải ngân cho những ai thụ hưởng cuối cùng mà không truy thu là bất lợi cho các bị cáo. Về định giá lại: kết quả giám định năm 2015 là để xác định thiệt hại chứ

không có ý nghĩa khắc phục hậu quả nên không cần định giá lại như bản án sơ thẩm nhận định là phù hợp.

Quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra làm rõ vụ án. Thời gian công tác trong ngành có nhiều cống hiến, đạt thành tích cao được Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B tặng thưởng nhiều bằng khen. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất.

- Luật sư Nguyễn Ngọc L bào chữa cho các bị cáo Đỗ Minh Q, Hoàng Văn C nêu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và xem xét phân trách nhiệm dân sự cho 02 bị cáo.

- Ông Phạm Chu K đại diện cho Ngân hàng N nêu ý kiến: Hệ thống của Ngân hàng N vẫn tính lãi của các khoản vay chưa tất toán. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Bị cáo Chính rất tích cực phối hợp với ngân hàng trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khoản vay, đề nghị ghi nhận cho bị cáo Ch để giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo khác là cán bộ ngân hàng cần được Hội đồng xét xử xem xét vì các vụ án bị tách ra xử lý dẫn đến việc tổng hợp hai bản án phải chịu mức án cao. Tài liệu định giá của bị cáo Ch là tự phát nhưng ngân hàng đề nghị được xem xét là tài liệu tham khảo nhằm mục đích khắc phục hậu quả để xem xét mức án cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Phạm Văn C: bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn, bị cáo đã ăn năn hối cải và có tích cực phối hợp Ngân hàng để giải quyết hậu quả và gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng.

- Bị cáo Phạm Thị Mai T: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, vì trở ngại sức khỏe nên bị cáo xin được tại ngoại chờ thi hành án.

- Bị cáo Phí Thị O, Đỗ Thị Y và Nguyễn Thị Thanh V xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị cáo Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q không kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo của Ngân hàng N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện hợp pháp của bị hại là Ngân hàng N đồng ý với sự vắng mặt của 02 bị cáo. Đồng thời các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, những bị cáo khác chỉ

kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không kêu oan, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị cáo C, bị cáo Q theo thủ tục chung.

**[1.2]** Sáng cùng ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 456/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Phí Thị O và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 240/2019/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nên khi quyết định hình phạt, bản án này sẽ tổng hợp hình phạt của bản án nói trên theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015.

## **[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:**

**[2.1]** Về nội dung vụ án, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Xét lời khai nhận của các bị cáo cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập cũng như hồ sơ vay vốn, biên bản giám định chữ ký, biên bản thu giữ vật chứng... và các biên bản khác trong quá trình hoạt động điều tra, truy tố đã có đủ cơ sở xác định:

Từ năm 2006, Hoàng Tiến Dz (hiện đã bỏ trốn – Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã) đứng ra thành lập và điều hành hàng loạt công ty nhưng thuê người thân, quen đứng tên giám đốc đại diện pháp luật cho doanh nghiệp, trong đó có 2 Công ty TNHH phát triển nhiên liệu Á Châu và công ty TNHH TMDV A.D.N. Trong đó, bị cáo Phạm Văn C được thuê làm giám đốc công ty Á Châu, bị cáo Hoàng Văn C là giám đốc công ty A.D.N và Đỗ Minh Q làm thành viên HĐQT công ty A.D.N. Đến năm 2009, các công ty trên lâm vào tình trạng thua lỗ, các khoản vay nợ tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B đến hạn tất toán nhưng không có tiền trả nợ nên Dz đã chỉ đạo Phạm Văn C, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q đứng tên ký các hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng N – CN Mạc Thị B để lấy tiền phục vụ cho các mục đích cá nhân của Dz, cụ thể như sau:

**- Đối với hồ sơ vay vốn của công ty A.D.N:** Theo chỉ đạo của Dz, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q ký Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua chủ trương, bị cáo Q ký hồ sơ kê khai báo cáo thuế năm 2008 với nội dung công ty A.D.N hoạt động có lãi để bị cáo C trực tiếp đứng tên ký hồ sơ vay 75 tỷ đồng tại Ngân hàng N – CN Mạc Thị B với mục đích mua 295.112 m<sup>2</sup> đất tại huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) nhằm thực hiện dự án trồng rừng và khai thác gỗ rừng.. Thực tế, qua xác minh từ năm 2009 đến nay công ty A.D.N không thực hiện bất kỳ dự án trồng rừng nào trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đồng thời toàn bộ 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 295.112 m<sup>2</sup> đất nói trên là tài sản thế chấp kèm theo hồ sơ vay vốn của công ty này được Cơ quan điều tra xác minh đều là giả. Tại phiên tòa, bị cáo C và Q cũng khai nhận không có dự án trồng rừng mà chỉ thực hiện theo chỉ đạo của

Dz. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở, đúng pháp luật.

**- Đối với hồ sơ vay vốn của công ty Á Châu:** Cuối năm 2009, lợi dụng mối quan hệ quen biết và tin tưởng của Phạm Thị Mai T, để có tiền trả lãi cho khoản vay của các công ty TNHH Thành phố Xanh, công ty TNHH địa ốc Sài Gòn Xanh, công ty TNHH địa ốc Sài Gòn Mới, công ty TNHH địa ốc Hoàng Phố, công ty TNHH Phong Nguyên, công ty TNHH Trọng Anh tại Ngân hàng N – CN Mạc Thị B. Mặc dù chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án nhưng Dz vẫn đặt vấn đề đang đầu tư Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu với tổng diện tích 24.500m<sup>2</sup> đất tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và sẽ thế chấp dự án trên để vay tiền. Tuy nhiên, số tiền vay được trước hết sẽ dùng vào mục đích là trả lãi vay cho các công ty nói trên. Do tin tưởng Dz có khả năng thực hiện dự án nên bị cáo Toan đã đồng ý và chỉ đạo Phí Thị O – Phó giám đốc, Đỗ Thị Y – Trưởng phòng tín dụng và Nguyễn Thị Thanh V – Cán bộ tín dụng thực hiện việc cho vay.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Phạm Văn C thực hiện theo chỉ đạo nộp hồ sơ vay vốn 90 tỷ đồng tại Ngân hàng N – CN Mạc Thị B với bộ hồ sơ thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai – Giá trị dự án Khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu. Bị cáo đã ký hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009, giấy xác nhận nợ, giấy lĩnh tiền mặt tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B nhưng không biết số tiền 90 tỷ đồng sau khi giải ngân được sử dụng như thế nào. Đến ngày 15/10/2010 Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mới có văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư dự án nói trên cho công ty Á Châu và đến ngày 18/4/2013 văn bản trên đã hết hiệu lực do công ty Á Châu không thực hiện dự án trên thực tế. Khi vụ án bị phát hiện, qua kiểm tra thực tế, tài sản thế chấp cho khoản vay trên chỉ có 10.349m<sup>2</sup> đất tại phường Phú Hữu, Quận 9 không phải 24.500m<sup>2</sup> như dự án công ty Á Châu đưa ra trong phương án vay. Ngoài ra, các bị cáo còn dùng thủ đoạn nâng khống giá đền bù đất từ 3-4 lần và đến nay toàn bộ diện tích đất này cũng chưa thuộc quyền sở hữu của công ty Á Châu là chủ dự án. Đồng thời đến ngày 24/12/2012 Ngân hàng N – CN Mạc Thị B mới tiến hành ký hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo đối với 6.027m<sup>2</sup>/10.349m<sup>2</sup>, phần còn lại đến nay vẫn chưa thực hiện thủ tục thế chấp theo quy định.

Tội phạm do các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Lợi dụng sự lỏng lẻo trong hoạt động cấp tín dụng cũng như sự buông lỏng quản lý của các cấp lãnh đạo tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B, các bị cáo đã dùng thủ đoạn ký khống hồ sơ vay vốn thể hiện công ty có năng lực tài chính, dự án kinh doanh khả thi, có tài sản đảm bảo nhằm tạo niềm tin để Ngân hàng N - CN Mạc Thị B giải ngân vốn vay sau đó chiếm đoạt.

**[2.2]** Các bị cáo nguyên là cán bộ Ngân hàng N - Mạc Thị B khi tiếp nhận thẩm định hồ sơ vay vốn biết rõ công ty Á Châu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo phương án đề ra, thời điểm vay vốn chưa có tài sản thế chấp, dự

án đầu tư chưa đảm bảo tính pháp lý. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của Phạm Thị Mai T, ngày 25/11/2009 bị cáo Vân vẫn lập Báo cáo thẩm định đánh giá dự án có tính khả thi cao, đề xuất cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng, bị cáo Y ký duyệt báo cáo thẩm định đề xuất cho vay và cùng ngày Phí Thị O ký hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng với thời hạn 03 năm. Lần lượt các ngày 25 – 26/11/2009, các bị cáo giải ngân toàn bộ số tiền nói trên là vi phạm khoản 1 Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 15; điểm a, c khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B; Điều 7 Quyết định 72/QĐ-HĐQT-TD ngày 31/3/2002 của Ngân hàng N - CN Mạc Thị B.

Các bị cáo nguyên là cán bộ Ngân hàng N - CN Mạc Thị B thực hiện cấp tín dụng cho đối tượng không đủ điều kiện cấp vốn; không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, thiếu kiểm tra giám sát. Hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho Ngân hàng N đến nay chưa được thu hồi. Hành vi phạm tội của các bị cáo cũng có phần nguyên nhân từ sự buông lỏng quản lý, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng N - CN Mạc Thị B và Ngân hàng N. Do vụ án được tách ra làm 02 vụ với cùng bị cáo, bị hại đã làm bất lợi cho các bị cáo trong việc lượng hình. Với mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt các bị cáo Phạm Minh Chính, Hoàng Văn C; khoản 3 Điều 179; khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Phạm Thị Mai T, Đỗ Thị Y, Phí Thị O và Nguyễn Thị Thanh V với các hành vi nêu trên là không oan, có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, về đánh giá hậu quả thiệt hại và khả năng khắc phục, Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã ghi nhận đối với 02 khoản vay trên, ông Đỗ Bình T2, bị cáo Chính và Ngân hàng N đã thống nhất đưa tài sản là quyền sử dụng 10.349 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh để đấu giá phát mãi đảm bảo trả nợ khoản vay. Theo đánh giá của đại diện Ngân hàng N tại phiên tòa thì giá trị tài sản trên có khả năng khắc phục thiệt hại cho Ngân hàng N - CN Mạc Thị Bên Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

### **[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Chính:**

Bị cáo Chính được Trần Thị Kim Th1 và Hoàng Tiến Dz thuê làm Giám đốc công ty Á Châu. Phạm Văn C không góp vốn vào công ty Á Châu. Toàn bộ hoạt động công ty Á Châu do Trần Thị Kim Th1 và Hoàng Tiến Dz điều hành. Theo chỉ đạo của Hoàng Tiến Dz, Trần Thị Kim Th1 và hướng dẫn của kế toán công ty, Phạm Văn C ký các tài liệu liên quan đến hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng N - CN Mạc Thị B và không biết số tiền vay 90 tỷ đồng sử dụng như thế nào. Bị cáo không trực tiếp làm việc, thỏa thuận việc mua bán đất với các chủ sử dụng đất, bị cáo mặc dù biết rõ Hoàng Tiến Dz là người thành lập và điều hành công ty Á Châu, thực chất không đầu tư thực hiện Dự án khu phức hợp căn hộ và



thương mại địa ốc Á Châu, mà chỉ xin giấy phép đầu tư dự án sau đó bán lại để hưởng chênh lệch, nhưng ngày 19/10/2009 bị cáo vẫn ký hồ sơ vay 90 tỷ đồng tại Ngân hàng N chi nhánh Mạc Thị Bưởi để đầu tư Dự án khu phức hợp căn hộ và thương mại địa ốc Á Châu. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, cụ thể theo Kết luận định giá tài sản của Công ty cổ phần thẩm định giá Exim thì toàn bộ 10.349m<sup>2</sup> công ty Á Châu thế chấp, chỉ có giá trị là 45.660.000.000 đồng. Đến nay, ngoài số nợ gốc đã trả là 23 tỷ đồng, số tiền còn lại 21.340.000.000 đồng, các bị cáo vẫn chiếm đoạt.

Trong khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Chính thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, không được hưởng lợi cá nhân. Bị cáo được Hoàng Tiến Dz thuê hoặc nhờ đứng tên đại diện cho công ty, không góp vốn, không tham gia điều hành quản lý công ty. Đối với hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng N - Mạc Thị B, bị cáo chỉ làm theo chỉ đạo của Hoàng Tiến Dz, ký tên hoàn thiện hồ sơ vay vốn nhưng không trực tiếp xây dựng hồ sơ vay. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét vai trò giúp sức của bị cáo có hạn chế; xét về hậu quả, xác định khoản vay có tài sản thế chấp đảm bảo việc thu hồi nợ xem như đã có khả năng khắc phục nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đặc biệt xem xét là tình tiết giảm nhẹ và áp dụng cho bị cáo mức hình phạt 7 năm tù là có lợi cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cung cấp thêm tình tiết cha ruột của bị cáo là ông Phạm Văn Ch có huân chương kháng chiến hạng ba để được xem xét là tình tiết mới, tuy nhiên mức hình phạt 7 năm tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là đã xem xét tối đa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt cũng như trách nhiệm dân sự.

#### **[2.4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Thị Mai T, Đỗ Thị Y, Phí Thị O, Nguyễn Thị Thanh V:**

Hội đồng xét xử xét thấy ngoài vụ án này các bị cáo Phạm Thị Mai T, Đỗ Thị Y, Phí Thị O và Nguyễn Thị Thanh V còn bị xét xử về hành vi “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến ngân hàng” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” tại Ngân hàng N - Mạc Thị B trong một vụ án khác. Xét các hành vi của các bị cáo đều được thực hiện trong cùng một thời điểm, trong cùng một chuỗi hành vi giữa Ngân hàng N - Mạc Thị B và nhóm công ty của Hoàng Tiến Dz đã chiếm đoạt nhưng cơ quan tiến hành tố tụng đã tách ra truy tố, xét xử thành một vụ án khác theo Bản án hình sự sơ thẩm số 240/2019/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Việc tách hành vi của các bị cáo ra để xét xử bằng hai vụ án khác nhau dẫn đến sự bất lợi cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để đảm bảo sự công bằng và nhân đạo của pháp luật.

**[2.4.1] Bị cáo Phạm Thị Mai T** - Nguyên giám đốc trực tiếp chỉ đạo, bị cáo Đỗ Thị Y - Nguyên trưởng phòng tín dụng phê duyệt cấp tín dụng cho công ty Á Châu, gây thiệt hại 21.340.000.000 đồng; không kiểm tra, giám sát hồ sơ

vay vốn của công ty A.D.N gây thiệt hại 75 tỷ đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm trong khi lượng hình đã xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để áp dụng khoản 3 Điều 179 và khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Toan với mức án 7 năm tù là không oan, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã mắc nhiều bệnh nan y, mất sức lao động đến 82%, hiện bị liệt 2 chân không tự đi đứng và sinh hoạt bình thường mà phải có người hỗ trợ. Mặt khác, Hội đồng xét xử nhận thấy, về nhân thân, bị cáo Toan có thời gian dài phục vụ trong ngành ngân hàng, nhiều lần được tặng thưởng Huân chương lao động vì có thành tích xuất sắc trong công tác; thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, không được hưởng lợi cá nhân; có em ruột là người có công với tổ quốc. Xét về hậu quả, xác định khoản vay có tài sản thế chấp đảm bảo việc thu hồi nợ xem như đã có khả năng khắc phục; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên Hội đồng xét xử xem xét coi đây là tình tiết giảm nhẹ và áp dụng cho bị cáo.

**[2.4.2] Bị cáo Đỗ Thị Y** – Nguyên trưởng phòng tín dụng trong quá trình phê duyệt cấp tín dụng cho công ty Á Châu, gây thiệt hại 21.340.000.000 đồng. Có hành vi không kiểm tra, giám sát hồ sơ vay vốn của công ty A.D.N gây thiệt hại 75 tỷ đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm trong khi lượng hình đã xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để áp dụng khoản 3 Điều 179 và khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với mức án 7 năm tù là không oan, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp các bằng chứng mà tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như quá trình công tác bị cáo có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển ngân hàng, được Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B tặng Bằng khen, Kỷ niệm chương; bị cáo có nhân thân tốt, con duy nhất của Liệt sỹ Đỗ Xuân A, hiện đang nuôi dưỡng mẹ là vợ liệt sỹ, gia đình neo đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy các tài liệu, bằng chứng nói trên là hợp pháp, có căn cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt của bị cáo.

**[2.4.3] Bị cáo Phí Thị O** – Nguyên phó giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh Mạc Thị B tiếp nhận chỉ đạo của Phạm Thị Mai T trực tiếp ký hợp đồng tín dụng cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng và công ty A.D.N vay 75 tỷ đồng khi biết rõ vốn vay không sử dụng đúng mục đích, hồ sơ vay vốn không đủ điều kiện, gây thiệt hại cho Ngân hàng N tổng số tiền 96.340.000 đồng nên cũng cần áp dụng điểm khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự để xử phạt với mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo.

Xét về nhân thân, bị cáo O có thời gian dài phục vụ trong ngành ngân hàng, trong đó được Thống đốc Ngân hàng N - CN Mạc Thị B và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng thưởng bằng khen; có người thân trong gia

đình có công hiến cho sự nghiệp cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Đối với việc bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả, mặc dù bản án sơ thẩm không tuyên buộc bị cáo phải chịu, Hội đồng xét xử cho rằng việc làm này của bị cáo không phải là tình tiết giảm nhẹ, vì số tiền này không tương xứng với hậu quả xảy ra, mà xem đây là thái độ thể hiện sâu sắc sự ăn năn, hối cải của bị cáo; bên cạnh đó, bản thân bị cáo bị tai nạn gây cột sống cổ, hiện mắc nhiều chứng bệnh, sức khỏe suy giảm. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc và quyết định chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

**[2.4.4] Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V** – Nguyên cán bộ tín dụng Ngân hàng N Chi nhánh Mạc Thị B thực hiện chỉ đạo của Phạm Thị Mai T trực tiếp tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ vay vốn và giải ngân cho công ty Á Châu vay 90 tỷ đồng. Thực tế, không thẩm định hồ sơ vay vốn chỉ lập báo cáo thẩm định đề xuất cho vay để hoàn tất thủ tục, gây thiệt hại cho Agrabank 21.340.000.000 đồng. Do đó cần áp dụng điểm khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự để xử phạt với mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo

Về nhân thân, bị cáo phạm tội lần đầu, có cha là thương binh, bản thân là lao động chính đang nuôi con nhỏ. Quá trình điều tra đã nhìn nhận được sai phạm của mình và thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải. Bị cáo chỉ làm việc tại ngân hàng thời gian ngắn, nhận thấy có sự không minh bạch trong hoạt động cho vay tại chi nhánh nên đã xin nghỉ việc; vai trò giúp sức hạn chế, gia đình có công cách mạng; bị cáo phạm tội khi mới vào ngành ngân hàng, kinh nghiệm làm việc còn hạn chế, tin tưởng và chấp hành chỉ đạo của cấp trên.

### **[3] Xét kháng cáo của bị hại:**

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng N yêu cầu các bị cáo bồi thường số dư nợ còn lại bao gồm nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009 đối với công ty TNHH Phát triển Nhiên liệu Á Châu là 170.657.334.722 đồng bao gồm: Nợ gốc 67 tỷ đồng, nợ lãi 103.657.334.722 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200900369 ngày 03/4/2009 đối với công ty TNHH TM-DV A.D.N là 154.247.188.889 đồng bao gồm: Nợ gốc 75 tỷ đồng, nợ lãi 79.247.188.889 đồng.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng 10.349 m<sup>2</sup> đất theo 06 Giấy chứng nhận QSDĐ các số C296939, R957393, R957406, R957410, R957396 và R957407 là tài sản đảm bảo khoản vay của công ty Á Châu, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Ngân hàng N bán đấu giá hoặc giao cho cơ quan thi hành án phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

Hội đồng xét xử cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá như sau: Quá trình điều tra xác định về bản chất các bị cáo dùng thủ đoạn lập và ký khống hồ sơ vay vốn giữa các công ty Á Châu và công ty ADN với Ngân hàng N - CN

Mạc Thị B để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng N nên đối với các giao dịch này **không phải quan hệ tín dụng thông thường**. Từ đó, không có căn cứ tính lãi cũng như các chi phí khác phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nói trên sau khi Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an đã khởi tố vụ án. Vì vậy chỉ chấp nhận yêu cầu bồi thường cho Ngân hàng N tính đến thời điểm khởi tố vụ án là ngày 25/8/2014 là không có căn cứ, vi phạm Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP năm 11/01/2019. Cụ thể tại điểm c, khoản 3, Điều 6 của nghị quyết này quy định ***“Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”*** và điểm a, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết này quy định:

“1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định như sau:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong...”.

Quá trình điều tra, mặc dù các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q khai nhận toàn bộ số tiền vay được đều do Hoàng Tiến Dz trực tiếp sử dụng và sử dụng vào mục đích gì các bị cáo không biết. Tuy nhiên, các bị cáo là đại diện theo pháp luật của công ty, trực tiếp ký hồ sơ vay vốn, hợp đồng tín dụng cũng như các giấy nhận nợ và giấy nhận tiền mặt nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Ngân hàng N - Mạc Thị B toàn bộ nợ gốc và lãi như đã nêu trên. Để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu Hoàng Tiến Dz hoàn trả lại số tiền mà các bị cáo thực tế đã bồi thường cho Ngân hàng N nếu các bị cáo có yêu cầu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 10.349 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, quá trình điều tra ông Đỗ Bình T2 khai cũng như diễn biến tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Bình T2 xác định nguồn gốc đất trên do Hoàng Tiến Dz bỏ tiền đầu tư mua lại từ nhiều hộ dân nhưng giao cho ông T2 trực tiếp đứng ra giao dịch, đứng tên mua bán dưới hình thức nhận chuyển nhượng hoặc nhận ủy quyền chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho quyền sử dụng đất; đến nay đã hoàn tất thủ tục tại các văn phòng công chứng theo đúng quy định đồng thời các hộ dân đã chuyển nhượng QSDĐ cho ông T2 cũng thống nhất và không có ý kiến đối với các tài sản trên. Hoàng Tiến Dz cũng chỉ đạo cho ông Đỗ Bình T2 đem các giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp cho ngân hàng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay. Xét mặc dù ông Đỗ Bình T2 thực hiện theo chỉ đạo của Hoàng Tiến Dz đưa các tài sản trên vào thế chấp để đảm bảo khoản vay của công ty Á Châu. Tuy nhiên, quá trình điều tra căn cứ lời khai các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định tài sản trên của Hoàng Tiến Dz và khoản vay của các công ty Á Châu và

công ty ADN sau khi giải ngân đều do Dz chiếm hưởng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng N cần giao các tài sản trên cho cơ quan thi hành án phát mãi để thu hồi nợ gốc và lãi đối với khoản vay của công ty Á Châu, số tiền còn lại (nếu có) Ngân hàng N được quyền sử dụng để thu hồi nợ gốc và lãi đối với khoản vay của công ty A.D.N.

Trường hợp, tài sản sau khi phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng N vẫn còn dư, cơ quan thi hành án tiếp tục tạm giữ để đảm bảo các nghĩa vụ khác nếu có. Sau khi thi hành tất cả các nghĩa vụ, tài sản còn lại được hoàn trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Đại diện hợp pháp của Ngân hàng N– Chi nhánh Mạc Thị B.

#### **[4] Về án phí:**

**[4.1]** Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Mai T, Phí Thị O, Đỗ Thị Y, Nguyễn Thị Thanh V được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**[4.2]** Án phí dân sự sơ thẩm: Kháng cáo của Ngân hàng được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn C, Đỗ Minh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần trách nhiệm dân sự của từng bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Chính.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Mai T, Đỗ Thị Y, Phí Thị O, Nguyễn Thị Thanh V. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với các bị cáo Toan, Y, Ong, Vân.

- Chấp nhận kháng cáo của bị hại là Ngân hàng N yêu cầu các bị cáo bồi thường số dư nợ còn lại bao gồm nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử vụ án. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự.

#### **1/ Tuyên xử:**

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn C, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Các bị cáo **Phạm Thị Mai T và Đỗ Thị Y**

phạm các tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Các bị cáo **Phí Thị O và Nguyễn Thị Thanh V** phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 21/11/2014 đến ngày 27/12/2016.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 179; khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Mai T** 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và 02 (hai) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 385/2020/HS-PT ngày 8/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 1 (một) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 8 (tám) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 179; khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Y** 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và 01 (một) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 05 (năm) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 385/2020/HS-PT ngày 8/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Y** 3 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến ngân hàng”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 8 (tám) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phí Thị O** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 385/2020/HS-PT ngày 8/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo **Phí Thị O** 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến ngân hàng”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 9 năm 6 tháng (chín năm sáu tháng) tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 26/8/2014 đến ngày 11/12/2016.

5. Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh V** 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 385/2020/HS-PT ngày 8/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh V** 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến ngân hàng”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 7 (bảy) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

**2/ Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Buộc các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn C, Đỗ Minh Q phải bồi thường tổng cộng số tiền 324.904.523.611 đồng cho Ngân hàng N. Cụ thể:

+ Bị cáo Phạm Văn C bồi thường cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009 đối với công ty TNHH Phát triển Nhiên liệu Á Châu là 170.657.334.722 đồng bao gồm nợ gốc 67 tỷ đồng, nợ lãi 103.657.334.722 đồng.

+ Các bị cáo Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q liên đới bồi thường cho Ngân hàng N số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200900369 ngày 03/4/2009 đối với công ty TNHH TM-DV A.D.N là 154.247.188.889 đồng bao gồm nợ gốc 75 tỷ đồng, nợ lãi 79.247.188.889 đồng.

- Giao cho cơ quan thi hành án thực hiện phát mãi tài sản để ưu tiên thu hồi nợ của công ty TNHH Phát triển nhiên liệu Á Châu cho Ngân hàng N, số tiền còn dư (nếu có) sẽ được tiếp tục thực hiện thu hồi nợ đối với công ty TNHH Thương mại dịch vụ A.D.N. Số tiền thu hồi được trừ vào nghĩa vụ bồi thường của các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q theo thứ tự ưu tiên như trên. Số tiền còn lại sau khi thu hồi của các công ty TNHH Phát triển nhiên liệu Á Châu và công ty TNHH Thương mại dịch vụ A.D.N (nếu có), cơ quan thi hành án tiếp tục tạm giữ để đảm bảo các nghĩa vụ khác nếu có. Sau khi thi hành tất cả các

ngõa vụ, tài sản còn lại được hoàn trả cho chủ sở hữu hợp pháp. Tài sản phát mãi là quyền sử dụng 10.349 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận QSDĐ các số:

1. Giấy chứng nhận số C296939, số vào sổ 00324QSDĐ/PH do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/1998.

2. Giấy chứng nhận số R957393, số vào sổ 01601QSDĐ/PH do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2001.

3. Giấy chứng nhận số R957396, số vào sổ 01604QSDĐ/PH do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2001

4. Giấy chứng nhận số R957406, số vào sổ 01614QSDĐ/PH do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2001.

5. Giấy chứng nhận số R957407, số vào sổ 01615QSDĐ/PH do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2001.

6. Giấy chứng nhận số R957410, số vào sổ 01618QSDĐ/PH do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2001.

- Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra xem xét trách nhiệm của các bị can Hoàng Tiến Dz, Trần Thị Kim Th1 khi phục hồi điều tra vụ án đối với 02 khoản vay của Công ty Á Châu (Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901693 ngày 25/11/2009) và của Công ty A.D.N (Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200900396 ngày 03/4/2009), nhằm đánh giá quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại có liên quan đến các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q khi thi hành án sau này.

**3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng nghị, kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

**4/ Về án phí:** Bị cáo Phạm Văn C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn C phải nộp 278.657.334 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo Hoàng Văn C và Đỗ Minh Q liên đới nộp 262.247.188 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA(2). VP(6) 30b. (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Minh**



